

THÔNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
NĂM HỌC: 2020-2021

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
Toàn trường			593	129	21.75	280	47.22	183	30.86	1	0.17	0	0	592	99.83	0	0	539	90.89	49	8.26	5	0.84	0	0	593	100	0	0		
1	Khối 6		175	42	24	87	49.71	46	26.29	0	0	0	0	175	100	0	0	161	92	14	8	0	0	0	0	175	100	0	0		
1.1	6A1	Bùi Thị Thanh Xuân	43	31	72.09	12	27.91	0	0	0	0	0	0	43	100	0	0	43	100	0	0	0	0	0	0	43	100	0	0		
1.2	6A2	Lê Thị Nguyên	44	10	22.73	33	75	1	2.27	0	0	0	0	44	100	0	0	44	100	0	0	0	0	0	0	44	100	0	0		
1.3	6A3	Nguyễn Thanh Huyền	44	1	2.27	29	65.91	14	31.82	0	0	0	0	44	100	0	0	40	90.91	4	9.09	0	0	0	0	44	100	0	0		
1.4	6A4	Cao Ngọc Hoa	44	0	0	13	29.55	31	70.45	0	0	0	0	44	100	0	0	34	77.27	10	22.73	0	0	0	0	44	100	0	0		
2	Khối 7		131	22	16.79	62	47.33	46	35.11	1	0.76	0	0	130	99.24	0	0	119	90.84	12	9.16	0	0	0	0	131	100	0	0		
2.1	7 B1	Hoàng Thị Hương	42	21	50	21	50	0	0	0	0	0	0	42	100	0	0	41	97.62	1	2.38	0	0	0	0	42	100	0	0		
2.2	7 B2	Phạm Thị Thuý Phương	45	1	2.22	27	60	17	37.78	0	0	0	0	45	100	0	0	40	88.89	5	11.11	0	0	0	0	45	100	0	0		
2.3	7 B3	Phan Thị Thanh Phương	44	0	0	14	31.82	29	65.91	1	2.27	0	0	43	97.73	0	0	38	86.36	6	13.64	0	0	0	0	44	100	0	0		
3	Khối 8		167	47	28.14	72	43.11	48	28.74	0	0	0	0	167	100	0	0	146	87.43	16	9.58	5	2.99	0	0	167	100	0	0		
3.1	8 C1	Phạm Thị Huệ	40	37	92.5	3	7.5	0	0	0	0	0	0	40	100	0	0	40	100	0	0	0	0	0	0	40	100	0	0		
3.2	8 C2	Nguyễn Thị Thảo	42	9	21.43	32	76.19	1	2.38	0	0	0	0	42	100	0	0	41	97.62	1	2.38	0	0	0	0	42	100	0	0		
3.3	8 C3	Nguyễn Thị Trang	44	1	2.27	15	34.09	28	63.64	0	0	0	0	44	100	0	0	37	84.09	3	6.82	4	9.09	0	0	44	100	0	0		
3.4	8 C4	Lê Thị Thu Khuyến	41	0	0	22	53.66	19	46.34	0	0	0	0	41	100	0	0	28	68.29	12	29.27	1	2.44	0	0	41	100	0	0		
4	Khối 9		120	18	15	59	49.17	43	35.83	0	0	0	0	120	100	0	0	113	94.17	7	5.83	0	0	0	0	120	100	0	0		
4.1	9 D1	Đặng Thị Thái Hương	41	18	43.9	22	53.66	1	2.44	0	0	0	0	41	100	0	0	41	100	0	0	0	0	0	0	41	100	0	0		
4.2	9 D2	Dương Thị Phương	40	0	0	21	52.5	19	47.5	0	0	0	0	40	100	0	0	36	90	4	10	0	0	0	0	40	100	0	0		
4.3	9 D3	Nguyễn Thị Huyền	39	0	0	16	41.03	23	58.97	0	0	0	0	39	100	0	0	36	92.31	3	7.69	0	0	0	0	39	100	0	0		

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần